

Bản án số: 580/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/05/2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà **Nguyễn Thị Vạn**

2) Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cơ**_Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Bình Chánh không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị Bích H**, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Tổ 7, ấp 4, xã SN, huyện TC, tỉnh TN_có mặt.

Bị đơn: Ông **Trịnh Ngọc Q**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: ấp 1, xã APT, huyện BC, Thành phố H_vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc: “Ly hôn” nguyên đơn là bà Trịnh Thị Bích H trình bày giữa bà và ông Trịnh Ngọc Q sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1984 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sống chung với nhau chưa được bao lâu thì hai bên xảy ra xung đột bất đồng, gây gổ cãi vã nhau nên cả hai đã sống ly thân suốt từ năm 1989 đến nay là 32 năm.

Tại Tòa hôm nay, bà Trịnh Thị Bích H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Ngọc Q; Về con chung: không có; Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

Về phía ông Trịnh Ngọc Q, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã nhiều lần triệu tập ông đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Trịnh Ngọc Q vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy báo hợp lệ, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Do ông Trịnh Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa (mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trịnh Ngọc Q là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự, cùng các tài liệu có trong hồ sơ, đơn xin ly hôn của bà Trịnh Thị Bích H đối với ông Trịnh Ngọc Q, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định đây là vụ kiện Hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn”, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; ông Trịnh Ngọc Q có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các biên bản tổng đạt của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập ông Trịnh Ngọc Q có mặt tại trụ sở Tòa án để tiến hành các bước tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Trịnh Ngọc Q vắng mặt không rõ lý do. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tổng đạt giấy triệu tập ông Trịnh Ngọc Q đến trụ sở Tòa án để tham dự hoà giải, dự phiên tòa cũng như Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập để trình bày ý kiến, giấy triệu tập hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai và giấy triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ông Trịnh Ngọc Q có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh để nghe xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông Trịnh Ngọc Q vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Cho nên Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm công khai là phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: năm 1984, bà Trịnh Thị Bích H và ông Trịnh Ngọc Q sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Việc bà Trịnh Thị Bích H và ông Trịnh Ngọc Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng là có thật; Tuy hai bên không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Hai bên sống chung với nhau chưa được bao lâu thì xảy ra xung đột bất đồng, gây gổ cãi vã nhau nên cả hai đã sống ly thân suốt từ năm 1989 đến nay là 32 năm. Nay bà Trịnh Thị Bích H nộp đơn xin ly hôn đối với ông Trịnh Ngọc Q vì bà khẳng định rằng giữa hai người đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; Mặt khác, do cả hai đã sống ly thân suốt từ năm 1989 đến nay là 32 năm nên không còn tình cảm gì với nhau nữa; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Trịnh Thị Bích H là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị Bích H xin được ly hôn đối với ông Trịnh Ngọc Q.

Về con chung: Bà Trịnh Thị Bích H tự khai không có, Tòa không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trịnh Thị Bích H tự khai không có, nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Trịnh Thị Bích H chịu.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 146, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Thị Bích H đối với ông Trịnh Ngọc Q.

Xử cho bà Trịnh Thị Bích H được ly hôn với ông Trịnh Ngọc Q.

2/ Về con chung: Bà Trịnh Thị Bích H tự khai không có, Tòa không xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trịnh Thị Bích H tự khai không có, nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Trịnh Thị Bích H chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trịnh Thị Bích H đã nộp là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0078935 ngày 21/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trịnh Thị Bích H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

-Nơi nhận:

- TANDTP.HCM.
- VKSNDTP.HCM.
- VKSNDH.Bình Chánh.
- Chi cục Thi hành án DS H.Bình Chánh.
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Hải